

ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VÀO PHÁT TRIỂN CHUỖI GIÁ TRỊ CÀ PHÊ XUẤT KHẨU Ở CÁC TỈNH TÂY NGUYÊN - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

TS. LÊ THỊ THANH HUYỀN^(*)

Tóm tắt: Cà phê được xem là một trong những mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực ở các tỉnh Tây Nguyên, với diện tích trồng chiếm 89,6% diện tích cà phê cả nước. Tuy nhiên, việc ứng dụng khoa học và công nghệ vào các khâu sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu cà phê đang gặp nhiều khó khăn. Bài viết phân tích thực trạng và đề xuất một số giải pháp tiếp tục đổi mới, ứng dụng khoa học và công nghệ vào quá trình phát triển sản xuất chuỗi giá trị cà phê xuất khẩu theo hướng bền vững ở các tỉnh Tây Nguyên trong thời gian tới.

Từ khóa: cà phê xuất khẩu; chuỗi giá trị; khoa học và công nghệ

1. Khái quát về tình hình cà phê xuất khẩu ở các tỉnh Tây Nguyên

Năm 2020, các tỉnh Tây Nguyên có khoảng 632.175 ha diện tích trồng cà phê, với năng suất bình quân là 27,9 tạ/ha, sản lượng đạt hơn 1,5 triệu tấn và giải quyết hơn 01 triệu việc làm cho người dân. Diện tích tái canh cà phê đạt khoảng 78.518 ha, chiếm 12,42% diện tích cà phê của vùng (xem Bảng 1), thấp hơn so với nhu cầu tái canh cà phê của vùng Tây Nguyên (ước tính mỗi năm có khoảng 180.000ha⁽¹⁾ cà phê già cỗi, cần được tái canh). Hiện nay, ở các tỉnh Tây Nguyên đã áp dụng quy trình sản xuất cà phê bền vững có chứng nhận 4C (Bộ nguyên tắc chung cho cộng đồng cà phê), UTZ Certified, RFA (rừng nhiệt đới) và FLO (thương mại công bằng), với tổng diện tích

là 147.291 ha, chiếm khoảng 23,3% diện tích cà phê toàn vùng (xem Bảng 1). Ngoài ra, mô hình trồng cà phê đặc sản đang được các hộ dân áp dụng, với diện tích 2.141 ha, trong đó, Đắk Lắk là tỉnh có diện tích lớn nhất với 1.317 ha, chiếm 61,15% diện tích trồng cà phê đặc sản của cả vùng. Mô hình này mang lại hiệu quả kinh tế cao, tăng thu nhập trên một đơn vị diện tích đất canh tác trong điều kiện biến đổi khí hậu, đáp ứng tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm, nâng cao sức cạnh tranh cho sản phẩm cà phê xuất khẩu.

Giai đoạn 2016 - 2020, do tình hình biến động về giá cà phê xuất khẩu của thị trường thế giới và sự giảm xuống về nhu cầu tiêu thụ hàng hóa trên toàn cầu, sản lượng và giá trị cà phê xuất khẩu của các tỉnh Tây Nguyên đạt bình quân hàng năm tương ứng là trên 577 nghìn tấn/năm và 1.059 triệu USD/năm (xem Bảng 2). Năm 2020, mặc dù đại dịch COVID-19 toàn cầu, nhất là vào những tháng cao điểm tại châu Âu và Mỹ đã ảnh hưởng rất lớn đến

^(*) Học viện Chính trị khu vực III, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Bảng 1: Tình hình sản xuất cà phê ở tỉnh Tây Nguyên năm 2020

DVT: ha; tạ; tấn

Năm	Diện tích tổng số (ha)	Diện tích tái canh (ha)	Diện tích đạt chuẩn*	Diện tích trồng cà phê đặc sản (ha)	Năng suất bình quân (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
Đắk Lắk ⁽²⁾	208.109	41.587	45.674	1.317	25,44	476.424
Lâm Đồng ⁽³⁾	174.390	42.024	75.500	451	32	515.528
Đắk Nông ⁽⁴⁾	129.546	20.533	12.350	86	26	280.974
Gia Lai ⁽⁵⁾	98.500	12.889	34.077	214	28	238.180
Kon Tum ⁽⁶⁾	21.630	1.208	10.166	73	28,10	43.694
Tổng	632.175	78.518	147.291	2.141		1.511.106

* Diện tích cà phê đạt tiêu chuẩn 4C, UTZ, Organic

Nguồn: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 5 tỉnh Tây Nguyên

giá cà phê nhân xuất khẩu, nhưng sản lượng cà phê xuất khẩu của vùng đạt 595.860 tấn, tương ứng với 937 triệu USD (*xem Bảng 2*). Như vậy, cà phê xuất khẩu là sản phẩm chủ lực ở các tỉnh Tây Nguyên, với sản lượng và giá trị chiếm 1/3 sản lượng giá trị so với cả nước. Thị trường cà phê xuất khẩu ở các tỉnh Tây Nguyên đã có mặt ở 80 quốc gia trên thế giới, trong đó EU vẫn là thị trường lớn nhất của cà phê Việt Nam, đặc biệt là thị trường Đức với thị phần 12,8% (357,9 triệu USD), Italia 8,3% (231,7 triệu USD), Tây Ban Nha 6,9% (192,8 triệu USD), trong khi thị trường Mỹ đứng thứ 2 với 9,3% (260,8 triệu USD). Về thị trường châu Á, Nhật Bản chiếm 6,9% (129,6 triệu USD), Hàn Quốc 2,5% (71 triệu USD)⁽⁷⁾.

Hiện nay, cà phê xuất khẩu ở các tỉnh Tây Nguyên đang có nhiều cơ hội lớn từ các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đã được ký kết (RECEP, EAFTA, CPTPP), hưởng thuế suất chỉ từ 0% - 6%, mang lại nguồn lợi cho các nhà đầu tư tại thị trường Việt Nam. Một số doanh nghiệp kinh doanh cà phê xuất khẩu đã tập trung đầu tư, ứng dụng đổi mới công nghệ hiện đại vào chế biến sâu nâng cao chất lượng, uy tín, thương hiệu cà phê nổi tiếng Trung Nguyên, Da Vàng, Bazan, Thăng Lợi,

Thu Hà, Classic, L'amant Càfé... Đặc biệt, sản phẩm L'amant Càfé của Công ty TNHH Vĩnh Hiệp ở tỉnh Gia Lai là sản phẩm của nông trại cà phê hữu cơ đầu tiên tại Việt Nam (đạt chứng nhận Organics của Tổ chức USDA - Hoa Kỳ và có mặt tại Hội nghị cấp cao APEC Việt Nam 2017), năm 2020 đã xuất khẩu 296 tấn cà phê sang thị trường EU (lô cà phê xuất khẩu đầu tiên của Việt Nam theo Hiệp định EVFTA⁽⁸⁾). Như vậy, cà phê xuất khẩu ở các tỉnh Tây Nguyên đã và đang từng bước chiếm lĩnh thị trường thế giới, với 14,2% thị phần xuất khẩu cà phê nhân toàn cầu đứng thứ 2 sau Brazil, trong đó, cà phê rang xay và hòa tan xuất khẩu chiếm 9,1% thị phần, đứng thứ 5 sau Brazil, Indonesia, Malaysia và Ấn Độ⁽⁹⁾.

2. Thực trạng ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất cà phê xuất khẩu theo chuỗi giá trị ở các tỉnh Tây Nguyên

Hiện nay, cà phê xuất khẩu ở các tỉnh Tây Nguyên đã sản xuất chuyển dịch theo hướng đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu theo chuỗi giá trị từ đầu vào - sản xuất - thu gom - chế biến - thương mại - tiêu dùng đáp ứng nhu cầu trong và ngoài nước. **Kết quả cụ thể** như sau:

Bảng 2: Giá trị và sản lượng cà phê xuất khẩu ở các tỉnh Tây Nguyên giai đoạn 2016 - 2020
ĐVT: sản lượng (SL): tấn; giá trị (GT): triệu USD

Tỉnh	2016		2017		2018		2019		2020	
	SL	GT	SL	GT	SL	GT	SL	GT	SL	GT
Lâm Đồng ⁽¹⁰⁾	63.300	117	98.300	203	110.000	183	122.700	197	99.500	154
Đắk Nông ⁽¹¹⁾	113.908	195	118.050	248	116.680	199	173.747	278	101.113	153
Đắk Lắk ⁽¹²⁾	196.391	356	201.126	445	191.169	365	195.247	315	195.247	332
Gia Lai ⁽¹³⁾	116.711	210	178.000	353	215.000	380	180.000	291	200.000	298
Tổng	490.310	878	595.476	1.276	533.859	1.127	671.694	1.081	595.860	937
Cả nước⁽¹⁴⁾	1.750.000	3.160	1.660.000	3.200	1.880.000	3.540	1.650.000	2.850	1.570.000	2.740

Nguồn: Tổng hợp từ Sở Công Thương các tỉnh Tây Nguyên

Một là, ứng dụng khoa học và công nghệ vào lai tạo nguồn giống cà phê mới ở các tỉnh Tây Nguyên

Ở Tây Nguyên, cây cà phê chè và cà phê vối chiếm phần lớn diện tích trồng, trong đó, cây cà phê chè là giống Catimor* được trồng rộng rãi trong những năm cuối của thế kỷ XX, đến nay có nhiều vườn cây đã già cỗi, năng suất, hiệu quả kinh tế thấp hơn so với cà phê vối. Hiện nay, Viện Khoa học kỹ thuật Nông Lâm nghiệp Tây Nguyên (WASI) và trung tâm nghiên cứu giống cây trồng của các tỉnh trong vùng đã nghiên cứu, lai tạo thành công các dòng cà phê vối (TR4, TR5, TR6, TR7, TR8, TR9, TR11, TR12, TR13) và các dòng cà phê chè đạt năng suất từ 4,2 tấn - 7 tấn cà phê nhân/ha, chất lượng tốt, trên 65% cỡ hạt lớn đạt loại 1, hạn chế được bệnh gỉ sắt, phù hợp với khí hậu trong năm**. Khả năng cung cấp giống mới ở các tỉnh trong vùng bảo đảm cho diện tích tái canh cà phê bền vững và diện tích có chứng nhận 4C đạt hiệu quả kinh tế cao, tăng khả năng cạnh tranh mặt hàng xuất khẩu này trên thị trường thế giới.

Theo kết quả khảo sát, cà phê chè có năng suất là 4,06 tấn nhân/ha, với giá cà phê hiện nay, tổng doanh thu đạt 142,10 triệu đồng/ha, cao hơn so với sản xuất đại trà là 3,50 tấn nhân/ha và tổng thu là 122,50 triệu đồng/ha, lợi nhuận cao hơn khoảng 8,93 triệu đồng/ha, tăng 16,98% so

với sản xuất đại trà. Đối với cà phê vối giống mới có năng suất 3,3 tấn nhân/ha cao hơn so với giống cũ trồng đại trà 3,0 tấn/ha, tương ứng với tổng thu là 115,5 triệu đồng/ha cao hơn so với đại trà 105 triệu đồng/ha, lợi nhuận cao 6,34 triệu đồng, tăng 13,08%⁽¹⁵⁾. Như vậy, thời gian tới, cần khuyến khích các hộ nông dân ở các tỉnh Tây Nguyên sử dụng các loại giống mới trồng thay thế vườn cà phê già, chất lượng kém, đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn so với các giống cà phê đang trồng đại trà trước đây.

Hai là, ứng dụng khoa học và công nghệ vào quá trình chăm sóc cây cà phê

Thời gian qua, các hộ nông dân trồng cà phê ở các tỉnh Tây Nguyên đã dần thay đổi ý thức, quan tâm, đầu tư ứng dụng khoa học và công nghệ, quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật chăm sóc, hệ thống tưới nước nhỏ giọt, kết hợp với xử lý thuốc bảo vệ thực vật và bón phân, làm cỏ bằng cơ giới hóa nên năng suất, chất lượng cà phê thu hoạch đạt được cao hơn. Hiện nay, các hộ trồng cà phê thực hiện theo đúng kỹ thuật, trồng đúng khoảng cách với mật độ dày 2.080 cây/ha, đạt năng suất 5,2 tấn nhân/ha và tăng hiệu quả kỹ thuật 57,61% so với trồng đại trà⁽¹⁶⁾; bón phân đúng kỹ thuật dưới hình thức bón phân chậm tan tiết kiệm 15% lượng phân bón và tăng năng suất 12% - 16% so với bón phân thông thường. Bên cạnh đó, áp dụng mô hình tái canh cà phê theo hệ thống tưới nhỏ giọt đã tiết kiệm



**Ông Nguyễn Đức Huệ, ở xã La Hrug, Huyện La Grai (Gia Lai)
cải tạo tái canh, kỹ thuật chăm sóc cà phê**

Nguồn: Trần Việt - TTXVN

20% lượng nước tưới, giảm từ 70% - 80% công lao động và 40% lượng nước tưới/ha, tăng hiệu suất sử dụng phân bón 5%, năng suất tăng 1,5 lần và hiệu quả kinh tế tăng 66% so với canh tác truyền thống. Ngoài ra, các hộ nông dân áp dụng mô hình ứng dụng gói kỹ thuật đồng bộ canh tác bền vững theo hướng BAP sẽ cho hiệu quả kỹ thuật và hiệu quả kinh tế tăng lên. Cụ thể, đối với cà phê vối sẽ tăng từ 10% - 15% và hiệu quả kinh tế tăng từ 11% - 13% so với sản xuất đại trà; đối với cà phê chè tăng từ 16% - 20% và hiệu quả kinh tế tăng từ 10% - 17% so với sản xuất đại trà⁽¹⁷⁾. Nhìn chung, nếu các hộ nông dân áp dụng công nghệ cao và tuân thủ các bước theo đúng kỹ thuật vào từng giai đoạn phát triển của cây cà phê thì sẽ đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn so với cách làm truyền thống.

Ba là, ứng dụng khoa học và công nghệ sau thu hoạch, sơ chế cà phê

Công nghệ chế biến sau thu hoạch được xem là khâu quan trọng trong quá trình sản xuất cà phê xuất khẩu. Đặc biệt, thông qua Dự án chuyên đổi nông nghiệp bền vững, chính quyền các tỉnh Tây Nguyên đã hỗ trợ cho các tổ chức

nông dân nâng cao chất lượng và giảm tổn thất sau thu hoạch. Cụ thể: 38 sân phơi với tổng diện tích 30.100m²; 34 nhà kho với tổng diện tích 5.446m²; 38 máy sơ chế, 13 máy sấy và lò sấy, 19 máy chế biến ướt. Hiện đã có các thiết bị thu hoạch cà phê dạng tuốt cành và thiết bị cầm tay dạng trục phù hợp với phương pháp canh tác ở các tỉnh Tây Nguyên. Đối với thiết bị thu hoạch cà phê tuốt cành cho năng suất 350 kg/giờ (thu hoạch thủ công 30 kg/giờ), độ văng của quả khi tuốt chỉ 2 m - 3 m, tỷ lệ đập quả thấp, số lần bị kẹt ít, tiết kiệm chi phí thu hoạch 34,05% so với thu hoạch thủ công. Đối với thiết bị thu hoạch cầm tay dạng trục, năng suất thu hoạch là 120 kg/giờ, mức độ văng 2 m - 3 m, chi phí tiết kiệm khoảng 12,75% so với thu hoạch thủ công⁽¹⁸⁾. Nhìn chung, ứng dụng, đầu tư khoa học và công nghệ vào thiết bị thu hoạch, sân phơi, máy sấy cà phê, công nghệ sơ chế được hỗ trợ, vận hành đã khắc phục được tình trạng cà phê bị mốc rất phổ biến khi thu hoạch vào đúng mùa mưa, nên chất lượng cà phê dần được cải thiện, cung cấp đầu vào tốt cho các doanh nghiệp chế biến cà phê xuất khẩu.

Bốn là, ứng dụng khoa học và công nghệ vào chế biến cà phê xuất khẩu

Hiện cả nước có 620 cơ sở cà phê rang xay, với tổng công suất 73.150 tấn sản phẩm/năm; 06 nhà máy chế biến cà phê hòa tan và 17 nhà máy, cơ sở chế biến cà phê phối trộn với tổng công suất khoảng 220 nghìn tấn sản phẩm/năm, đạt tỷ lệ chế biến sâu khoảng 12% với công nghệ và thiết bị, chế độ làm việc của các nhà máy phần lớn được giám sát, điều khiển tự động⁽¹⁹⁾. Năm 2020, các cơ sở chế biến cà phê xuất khẩu ở các tỉnh Tây Nguyên chiếm khoảng 2/3 so với cả nước. Trong đó, Đắk Lắk là địa phương có cơ sở chế biến nhiều nhất, với 295 cơ sở chế biến cà phê (95 cơ sở chế biến cà phê nhân, 200 cơ sở chế biến cà phê bột) và 03 doanh nghiệp FDI, 02 cơ sở chế biến cà phê hòa tan⁽²⁰⁾. Lâm Đồng có 250 cơ sở sơ chế, trong đó có 25 doanh nghiệp hoạt động chế biến cà phê với quy mô 190.059 tấn và 168 doanh nghiệp, cơ sở chế biến đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm với tổng sản lượng khoảng 10.244 tấn/năm⁽²¹⁾. Đắk Nông có 74 cơ sở chế biến cà phê, trong đó có 24 cơ sở chế biến theo quy mô công nghiệp (03 doanh nghiệp nhà nước) và có 04 nhãn hiệu sản phẩm cà phê được xây dựng thương hiệu (của HTX Công Bằng, Công ty TNHH Hoàng Phát, Cà phê Đắk Mil, Công ty TNHH MTV cà phê Bazan)⁽²²⁾. Gia Lai có 99 cơ sở thu mua, sơ chế, chế biến và xuất khẩu cà phê, trong đó 5 doanh nghiệp xuất khẩu cà phê và 47 cơ sở chế biến cà phê bột, hạt rang và hòa tan⁽²³⁾. Mặc dù sản phẩm cà phê ở các tỉnh Tây Nguyên sử dụng phương pháp chế biến ướt và chế biến khô đều cho sản phẩm cà phê chất lượng cao, nhưng sản phẩm cà phê xuất khẩu chủ yếu là cà phê nhân chiếm 90% và cà phê rang xay, cà phê hòa tan chiếm khoảng 10% (cà phê hòa tan nguyên chất và 3 trong 1).

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc ứng dụng đổi mới khoa học và công nghệ vào phát triển sản xuất cà phê xuất khẩu theo chuỗi giá trị ở các tỉnh Tây Nguyên vẫn ***còn một số hạn chế:***

- Tỷ lệ số hộ gia đình trồng cà phê theo các loại giống mới chỉ đạt khoảng 12% diện tích cả vùng, chủ yếu cách chọn giống theo kinh nghiệm nên năng suất, chất lượng thấp hơn so với các loại giống mới.

- Tỷ lệ số hộ gia đình trồng cà phê theo các loại giống mới (cà phê chè và cà phê vối) chỉ đạt khoảng 12% diện tích trồng cà phê của cả vùng, chủ yếu cách chọn giống theo kinh nghiệm nên năng suất, chất lượng đạt được thấp hơn so với các loại giống mới. Kết quả các hộ nông dân trồng cà phê tại tỉnh Đắk Lắk, Kon Tum đạt tỷ lệ 55,10% (162/294 hộ) đạt tiêu chuẩn (4C, RFA, UTZ) và sử dụng giống mới dưới sự hướng dẫn của hội nông dân, khuyến nông và từ doanh nghiệp chế biến cà phê xuất khẩu thì cho chất lượng cà phê nhân tốt hơn⁽²⁴⁾.

- Về ứng dụng công nghệ cao theo mô hình cơ giới hóa trong quá trình chăm sóc, phân bón, tưới tiêu còn nhiều hạn chế, quá trình thực hiện kỹ thuật chưa đồng bộ. Đối với phân bón, các hộ chủ yếu sử dụng phân hóa học, lượng phân sử dụng cao hơn 10% - 23% yêu cầu⁽²⁵⁾. Quá trình tưới cà phê chủ yếu vẫn là phương pháp tưới dí, tưới béc 91,16%, tưới theo hệ thống tiết kiệm nước 3,40%⁽²⁶⁾. Tình trạng sử dụng thuốc bảo vệ thực vật chủ yếu là theo kinh nghiệm 64,15%, theo khuyến cáo của nhà sản xuất là 35,85%, theo khuyến cáo của các nhà khoa học rất thấp.

- Quá trình thu hái cà phê chưa đúng quy trình kỹ thuật, chủ yếu theo kiểu tuốt cành, hái lẫn quả chín và quả xanh, non; số hộ thu hái 01 lần/vụ chiếm 15,5%; thu hái 02 lần/vụ chiếm 64,5%; 03 lần/vụ chiếm 20% cho nên chất lượng cà phê nhân thấp, chi phí cao⁽²⁷⁾. Tình trạng áp dụng quy trình kỹ thuật và hạ tầng sau thu hoạch chưa đồng bộ, như sân phơi, kỹ thuật phơi, kho chứa cà phê sau thu hoạch, dẫn đến hiện tượng cà phê bị bốc nóng, thổi rữa, biến màu, làm giảm chất lượng cà phê nhân.

- Thực tế cho thấy, số hộ nông dân và doanh nghiệp ứng dụng máy móc, thiết bị vào công đoạn chế biến cà phê xuất khẩu chiếm tỷ lệ nhỏ so với nhu cầu, tình trạng cơ sở chế biến của các địa phương thiếu đồng bộ, lạc hậu nên

ảnh hưởng đến chất lượng, giá trị cả phê chế biến xuất khẩu.

- Về ứng dụng công nghệ cao vào hoạt động xúc tiến thương mại cả phê xuất khẩu chưa đa dạng nên cơ hội quảng cáo, bán hàng qua các sàn giao dịch thương mại điện tử, các hội chợ ngành hàng cả phê quốc tế, hội thảo quốc tế chưa kịp thời. Bên cạnh đó, việc đầu tư, đổi mới ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm xây dựng hệ thống dịch vụ cung cấp thông tin và dự báo về thị trường cả phê xuất khẩu chưa được đầy đủ làm hạn chế khả năng quảng bá hình ảnh thương hiệu cả phê Tây Nguyên.

3. Một số giải pháp thúc đẩy đổi mới, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phát triển chuỗi giá trị cả phê xuất khẩu ở các tỉnh Tây Nguyên

Một là, tiếp tục tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân về lợi ích ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, canh tác, chế biến cả phê xuất khẩu

Trước hết, cần tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về lợi ích của việc ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất cả phê xuất khẩu sẽ làm tăng năng suất, chất lượng, bảo đảm tiêu chuẩn xuất khẩu, cơ hội mở rộng thị trường và hiệu quả kinh tế ngày càng tăng lên. Đặc biệt, trong bối cảnh hiện nay, Việt Nam là thành viên của CPTPP thì cơ hội cho cả phê xuất khẩu ở các tỉnh Tây Nguyên là rất lớn. Cần ưu tiên cho các chương trình tập huấn trực tiếp liên quan đến áp dụng quy trình thực hành sản xuất cả phê chất lượng cao, nâng tỷ lệ diện tích trồng cả phê được cấp chứng nhận VietGAP, GlobalGAP, UTZ, 4C, Rainforest Allan và các chứng chỉ khác... góp phần trực tiếp thay đổi thói quen sản xuất theo chuỗi giá trị (giống mới, kỹ thuật chăm sóc, công nghệ sơ chế, chế biến cả phê sau thu hoạch...) và hình thành các tổ chức sản xuất nông nghiệp lớn, ứng dụng công nghệ cao, phát huy tiềm năng lợi thế của vùng Tây Nguyên.

Hai là, tiếp tục nghiên cứu, ứng dụng công nghệ vào sản xuất giống cả phê mới gắn với vùng nguyên liệu theo hướng sản xuất hàng hóa

Để đạt được mục tiêu bảo đảm 100% diện tích tái canh được sử dụng giống tốt và áp dụng đúng quy trình, cần tăng cường nghiên cứu lai tạo và chuyển giao các loại giống cả phê mới phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu ở vùng Tây Nguyên. Cùng với đó là ứng dụng khoa học và công nghệ vào thực hiện các biện pháp quản lý kiểm soát giống cây, ngay từ khâu chuẩn bị đất đến gieo ươm, chăm sóc, cảnh báo dịch bệnh; xây dựng và chuyển giao các gói kỹ thuật công nghệ sản xuất cả phê (vật tư đầu vào, cơ giới hóa trong trồng trọt, sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực, sử dụng tưới nước tiết kiệm) thích ứng với biến đổi khí hậu ở vùng Tây Nguyên. Đồng thời, chủ động liên kết “nhà nước, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp, nhà nông” tạo nên sức mạnh trong chuỗi liên kết phát triển theo mô hình, vùng nguyên liệu sản xuất tập trung đạt tiêu chuẩn chứng nhận xuất khẩu góp phần xây dựng thương hiệu cả phê chất lượng cao của các tỉnh vùng Tây Nguyên.

Ba là, tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ cao vào thu hoạch, chế biến cả phê xuất khẩu

Thực tế, ứng dụng công nghệ hiện đại vào công đoạn sau thu hoạch cả phê, như cải tiến kỹ thuật phơi sấy, chế biến, bảo quản và tích trữ cả phê bảo đảm giảm tổn thất sau thu hoạch nhằm tăng giá trị sản phẩm, giảm chi phí, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm. Vì vậy, cần có sự phối hợp giữa nhà nước, doanh nghiệp và hộ nông dân đầu tư, phát triển áp dụng công nghệ cao, hiện đại vào công nghiệp chế biến cả phê xuất khẩu, như công nghệ chế biến ươm, chế biến cả phê đặc sản... làm tăng sản lượng và giá trị xuất khẩu cả phê ở các tỉnh Tây Nguyên. Đồng thời, tiếp tục xây dựng, nâng cao năng lực ứng dụng khoa học và công nghệ từ các hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp dịch vụ nhằm cung cấp giống mới, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, các máy móc thiết bị cho quá trình tưới tiêu,...) và tổ hợp tác gắn với vùng chuyên canh trồng cả phê theo quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp của vùng Tây Nguyên. Bên cạnh đó, ứng dụng công nghệ mạnh mẽ và toàn diện về mạng lưới cung cấp dịch vụ

về kỹ thuật chăm sóc cây, giống cà phê mới, kết nối thị trường đẩy mạnh liên kết sản xuất hàng hóa, dịch vụ đầu vào và sản phẩm đầu ra cho doanh nghiệp chế biến cà phê xuất khẩu.

Bốn là, tiếp tục xây dựng chính sách, hỗ trợ xúc tiến thương mại đối với sản phẩm cà phê xuất khẩu

Tiếp tục có chính sách hỗ trợ xây dựng các nội dung, thông tin về xúc tiến thương mại cà phê xuất khẩu Tây Nguyên qua các website, địa chỉ của các doanh nghiệp xuất khẩu, hiệp hội cà phê, khuyến nông, truyền hình trung ương, địa phương nhằm giới thiệu, quảng bá sản phẩm cà phê đặc sản Tây Nguyên đến với người tiêu dùng trong nước và thế giới một cách nhanh nhất. Cùng với đó là các doanh nghiệp xuất khẩu cà phê cần chủ động tận dụng cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, số hóa các hoạt động sản xuất kinh doanh để nâng cao hiệu quả xúc tiến thương mại cho sản phẩm cà phê xuất khẩu bằng hình thức thương mại điện tử và các hợp đồng giao dịch hàng hóa có kỳ hạn. Ngoài ra, cần có sự liên kết giữa nhà nước, doanh nghiệp, người dân tích cực, chủ động tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, hội chợ quốc tế, hội thảo quốc tế, các sàn giao dịch thương mại điện tử (Alibaba, Amazon), xây dựng website cho phẩm cà phê của các tỉnh Tây Nguyên. Đặc biệt, chú trọng đầu tư, khuyến khích hỗ trợ ứng dụng công nghệ hiện đại để xây dựng mã sản phẩm bảo đảm cung cấp thông tin từ sản xuất đến chế biến cho người tiêu dùng. Đây là cách thu thập và quản lý dữ liệu đầy đủ nhất, nâng cao năng lực về khả năng nghiên cứu, phân tích và dự báo thị trường cà phê xuất khẩu sẽ tạo nên sự liên kết và đồng thuận giữa các doanh nghiệp xuất khẩu, nâng cao sức cạnh tranh cho cà phê xuất khẩu ở các tỉnh Tây Nguyên □

(*) Giống Catimor có đặc điểm sinh trưởng khỏe, thích ứng rộng, năng suất cao

(**) Trong đó, tỉnh Lâm Đồng hằng năm đã cung cấp giống với 17 cây đầu dòng, năng lực khai thác 700 mầm chồi/năm; 08 vườn cây đầu dòng sản xuất 1.369.000 mầm chồi/năm. Có 244 cơ sở sản xuất, kinh doanh/14.018 nghìn cây/năm; trong đó 67 cơ sở công bố tiêu chuẩn cây giống với 7.512 nghìn cây/năm.

(1) Quốc Hải, Tây Nguyên: Mỗi năm có 180.000 ha cà phê già cỗi cần tái canh, <https://danviet.vn>, ngày 02/10/2020

(2) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk, “*Báo cáo tham luận tình hình sản xuất, chế biến và tiêu thụ cà phê tại tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2011 - 2025*”, tháng 12/2020

(3) và (21) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng, “*Kế hoạch tổ chức kết nối nông nghiệp với công nghiệp chế biến, thị trường xuất khẩu và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu sản phẩm nông nghiệp tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2021 - 2025*”, 2021

(4) và (22) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông, “*Báo cáo thực trạng các cơ sở sơ chế, chế biến và tiêu thụ ngành hàng nông sản trên địa bàn Tỉnh và sự cần thiết ban hành Chương trình của Tỉnh ủy về phát triển các cơ sở sơ chế, chế biến và tiêu thụ ngành hàng nông sản đáp ứng chuỗi liên kết giá trị gia tăng trên địa bàn Tỉnh giai đoạn 2011 - 2025*”, tháng 4/2021

(5) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai, “*Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch trồng tái canh cà phê giai đoạn 2016 - 2020 và đề xuất kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025*”, 2021

(6) Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, Đề án “*Phát triển công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030*”, 2020

(7) và (14) Hiệp hội Cà phê cao Việt Nam, *Báo cáo tổng kết niên vụ cà phê 2019/2020 và phương hướng hoạt động của Hiệp hội cà phê cao Việt Nam năm 2021*, Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 01/2021

(8), (23) Ủy Ban nhân dân tỉnh Gia Lai, Kế hoạch triển khai thực hiện “*Đề án phát triển cà phê đặc sản Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030*” trên địa bàn tỉnh Gia Lai, 2021

(9), (15), (16), (17), (18), (19), (24), (25), (26) và (27) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Tài liệu Hội nghị “*Đánh giá kết quả thực hiện Đề án phát triển sản phẩm quốc gia cà phê Việt Nam chất lượng cao*”, Đắk Lắk, tháng 12/2020

(10) Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng, “*Kế hoạch phát triển ngành công thương tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2021 - 2025*”, tháng 12/2020

(11) Sở Công Thương tỉnh Đắk Nông, “*Báo cáo tình hình xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh Đắk Nông hàng năm 2016 - 2020*”, 2020

(12) và (20) Sở Công Thương tỉnh Đắk Lắk, “*Kế hoạch phát triển ngành công thương tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025*”, tháng 12/2020

(13) Sở Công Thương tỉnh Gia Lai, “*Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NĐ-CP của Chính phủ về hoạt động công nghiệp và thương mại tháng 12 và năm 2020 và Chương trình công tác tháng 01 năm 2021*”, Gia Lai